

# Tư tưởng về quyền con người và quyền dân tộc trong Tuyên ngôn Độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh

TS CAO VĂN TRỌNG\*

**N**gày 2 - 9 - 1945, sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã đi vào lịch sử như một dấu son chói lọi nhất trong hành trình mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam.

Bản *Tuyên ngôn Độc lập* là văn bản pháp lý quan trọng đầu tiên khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á. Lần đầu tiên trong lịch sử, một nhà nước công nông ra đời, gắn bó mật thiết với nhân dân, hướng lên tầm cao mới trong sự nghiệp xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Sự ra đời của nhà nước dân chủ nhân dân ở Việt Nam là bước nhảy vọt vĩ đại trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam; đồng thời có tác dụng to lớn, cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc bị áp bức chống chủ nghĩa thực dân, đế quốc trên phạm vi toàn thế giới trong thế kỷ XX. Đây thực sự là một áng văn bất hủ khẳng định quyền con người và quyền độc lập, tự do thiêng liêng của dân tộc Việt Nam. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào mà giai cấp lao động và các dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào”<sup>1</sup>.

Khẳng định về quyền con người, mở đầu *Tuyên ngôn Độc lập*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trích dẫn hai đoạn văn bất hủ trong *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Mỹ năm 1776: “Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”<sup>2</sup> và *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Pháp năm 1789: “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”<sup>3</sup>. Tiếp đó, Người đã tiến một bước xa hơn, cao hơn, sâu sắc hơn về tầm tư duy và khẳng định về quyền dân tộc: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”<sup>4</sup>. Như vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu lên sự phát triển quyền tự nhiên của con người đến quyền độc lập, tự do của dân tộc; khẳng định sự thống nhất biện chứng, tác động qua lại lẫn nhau giữa quyền dân tộc và quyền con người. Có độc lập dân tộc thì mới có quyền con người; ngược lại, khi quyền con người được coi trọng và phát huy thì độc lập của một dân tộc mới thực chất, mới có ý nghĩa thật sự. Đồng thời, Người cũng gián tiếp khẳng định rằng: Cách mạng Việt Nam là sự kế tục dòng chảy văn minh chính trị của nhân loại, là sự tiếp nối cuộc đấu tranh vì mục tiêu giải phóng con người và tư duy pháp lý của Hồ

\*Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng

Chí Minh và nhân dân Việt Nam là thống nhất và liền mạch với tư duy pháp lý của nhân loại tiên bộ, không xa lạ với những chân lý phổ biến đã được coi là thành quả văn minh của loài người.

Trong lịch sử nhân loại, bất kỳ ở phương Đông hay phương Tây, kể từ khi xã hội có sự phân chia thành giai cấp, có bóc lột và bị bóc lột, có áp bức và bị áp bức thì những tư tưởng về quyền tự do bình đẳng đã được nảy nở từ hình thức sơ khai cho tới các trào lưu tư tưởng, lý luận. Đấu tranh cho tự do của con người, công bằng trong xã hội là mục tiêu, lý tưởng của biết bao cuộc khởi nghĩa, của biết bao thế hệ từ thời cổ đại cho đến ngày nay.

Đối với Việt Nam, sau hơn 30 năm (từ 1911 - 1941) bôn ba tìm đường cứu, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vượt qua 3 đại dương, đến 4 châu lục, đặt chân lên nhiều nước để nghiên cứu, tìm hiểu đời sống, nguyện vọng, hoạt động đấu tranh giành quyền độc lập của nhiều dân tộc. Người đã trực tiếp đọc bản tuyên ngôn của hai nước Mỹ và Pháp và tư tưởng về quyền tự do, bình đẳng và trong hai bản tuyên ngôn ấy đã gợi mở cho Nguyễn Ái Quốc suy nghĩ về con đường cách mạng cho dân tộc mình. Trong tài liệu đầu tiên huấn luyện cho thế hệ thanh niên cách mạng, Người đã dẫn ra lịch sử cuộc cách mạng Mỹ, cách mạng Pháp và rồi Người dừng lại ở cách mạng Nga để từ đó tìm ra “*Đường Kách mệnh*” (1927) cho dân tộc Việt Nam. Tư tưởng về các quyền tự nhiên của con người, của dân tộc vẫn khắc sâu trong khối óc và trái tim của một con người hết lòng vì độc lập cho Tổ quốc, tự do cho đồng bào. Rõ ràng, nhận thức của Chủ tịch Hồ Chí Minh về quyền bình đẳng của các dân tộc được đúc kết từ tấm lòng thiết tha với vận mệnh của dân tộc Việt Nam, từ sự trải nghiệm qua cuộc hành trình gần ba mươi năm trên thế giới trước tình cảnh nhiều dân tộc vẫn đang bị nô dịch. Trong mỗi dân tộc có nhiều quyền cá nhân, song quyền của mỗi cá nhân không bao hàm đầy đủ quyền dân tộc. Cho nên, sự “suy rộng ra” của Người mang tính nhân văn cao cả, có ý nghĩa quốc tế, đã mở rộng khái niệm và nâng tầm nhìn về quyền tự nhiên của con người, của dân tộc.

Bản *Tuyên ngôn Độc lập* cũng đã tố cáo và lên án những tội ác man rợ của thực dân Pháp về quyền con người, quyền dân tộc đối với đồng bào ta về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa..., trong đó có tội

trong 5 năm chúng đã hai lần bán nước ta cho Nhật. Từ đó, Người công bố rõ cho thế giới và phe đồng minh biết: “Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp. Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa”<sup>5</sup>.

Bản *Tuyên ngôn Độc lập* còn khẳng định với thế giới cơ sở pháp lý về quyền của dân tộc Việt Nam được “*hưởng tự do độc lập*”, đồng thời vạch ra cơ sở thực tế là Việt Nam “*sự thật đã thành một nước tự do và độc lập*”. Bằng những lý lẽ sắc bén, lập luận danh thép và lời văn hùng hồn, bản *Tuyên ngôn Độc lập* đã khẳng định lại một lần nữa quyền của dân tộc Việt Nam phải được sống trong độc lập, tự do như bất cứ dân tộc nào khác: “*Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!*”<sup>6</sup>.

Trong bối cảnh quốc tế và Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ hai, khi mà trật tự pháp lý quốc tế chỉ nhằm phục vụ quyền lợi ích kỷ của các nước lớn tư bản, đế quốc, *Tuyên ngôn Độc lập* của Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là lời tuyên bố cáo chung của chế độ thuộc địa dưới mọi hình thức, đồng thời mở đầu thời đại trỗi dậy của các dân tộc bị áp bức, bóc lột đứng lên làm chủ vận mệnh của mình. Chính vì vậy, nhiều nước châu Á, châu Phi và châu Mỹ - La tinh đã thừa nhận đóng góp to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào sự xác lập một nền công pháp quốc tế mới, đảm bảo cho các quyền tự do, bình đẳng của con người và quyền tự quyết, quyền bình đẳng giữa các quốc gia, dân tộc trong việc tự do lựa chọn con đường phát triển của mình về chính trị, kinh tế, văn hóa...

Những câu kết thúc trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* chính là “*lời thề độc lập*” - lời thề bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền đất nước của nhân dân Việt Nam: “*Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy*”<sup>7</sup>. Như vậy, chỉ trong một



đoạn văn ngắn với 52 từ, Hồ Chí Minh đã ba lần nhắc đến “tự do, độc lập” với ba ý nghĩa nói tiếp nhằm thể hiện khát khao tự do, khát khao độc lập của toàn thể dân tộc Việt Nam.

Có thể khẳng định, *Tuyên ngôn Độc lập* là tác phẩm đầu tiên trong lịch sử Việt Nam hội tụ được các trào lưu lịch sử Việt Nam với trào lưu lịch sử nhân loại, làm xích lại gần nhau những quan niệm về quyền con người, quyền tự quyết của các dân tộc trên thế giới. *Tuyên ngôn Độc lập* là sự kết tinh khát vọng độc lập mấy nghìn năm của dân tộc Việt Nam. Đó là một mốc son chói lọi, góp phần làm rạng rỡ nền văn hiến Việt Nam, chấm dứt chính thể quân chủ chuyên chế và chế độ thực dân áp bức, mở ra kỷ nguyên mới dân chủ cộng hòa ở nước ta. Đúng như tác giả Trần Dân Tiên trong tác phẩm *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* đã viết: “Bản *Tuyên ngôn độc lập* là kết quả của những bản yêu cầu gửi cho Hội nghị Vécxây mà Cụ Hồ đã viết năm 1919 và chương trình Việt Minh Cụ Hồ đã viết năm 1941. Hơn nữa, bản *Tuyên ngôn Độc lập* là kết quả của những bản tuyên ngôn khác của tiền bối..., của bao nhiêu sách báo, truyền đơn bí mật viết bằng máu và nước mắt của những nhà yêu nước từ hơn tám mươi năm nay... Bản *Tuyên ngôn Độc lập* là hoa, quả của bao nhiêu máu đã đổ và bao nhiêu tính mạng đã hy sinh của những người con anh dũng Việt Nam..., là kết quả của bao nhiêu hi vọng, gắng sức và tin tưởng của hơn hai mươi triệu nhân dân Việt Nam”<sup>8</sup>.

Năm tháng đã đi qua và Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu cũng đã đi xa, nhưng giá trị lớn lao về quyền con người, quyền dân tộc trong *Tuyên ngôn Độc lập* mùa thu năm ấy mãi mãi trường tồn! Với trí tuệ anh minh, sắc sảo và quá trình tư duy khoa học độc đáo, *Tuyên ngôn Độc lập* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thấu hải được những tư tưởng tinh hoa của nhân loại về quyền con người và quyền dân tộc từ cổ chí kim; thể hiện rõ cách mạng Việt Nam là một bộ phận hữu cơ của cách mạng thế giới và giai cấp vô sản Việt Nam là một bộ phận không thể tách rời của giai cấp vô sản thế giới có sứ mệnh lịch sử cao cả và vĩ đại là giải phóng dân tộc và nhân loại. *Tuyên ngôn Độc lập* của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện sự trung thành tuyệt đối với chủ nghĩa Mác - Lênin của Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là Hồ Chí Minh. Có thể nói,

tư tưởng về quyền con người, quyền dân tộc tự quyết trong *Tuyên ngôn Độc lập* nói riêng và trong tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung đã “đi trước nhận thức chung của cộng đồng quốc tế”<sup>9</sup>, là “tư tưởng vạch thời đại”, là di sản vô giá, là sự đóng góp to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc sáng tạo tư tưởng nhân quyền của nhân loại ở thế kỷ XX.

Ngày nay, mặc dù chủ nghĩa thực dân - một vết nhơ và nỗi đau của lịch sử nhân loại đã bị xóa bỏ. Nhưng trên thế giới vẫn tồn tại một thực tế là chiến tranh, xung đột dân tộc, sắc tộc, chủ nghĩa khủng bố và những hành vi tàn ác đối với quyền sống của con người vẫn xảy ra. Đặc biệt, nước lớn với lợi ích và chủ nghĩa dân tộc cực đoan vẫn ngang nhiên xâm phạm độc lập, chủ quyền lãnh thổ, biển, đảo của các nước nhỏ, bất chấp đạo lý, lẽ phải và luật pháp quốc tế. Thực tế đó đã và đang làm cho tình hình quốc tế nói chung, các khu vực nói riêng mất ổn định, đe dọa hòa bình, hợp tác và phát triển giữa các quốc gia, dân tộc. Do đó, quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, đòi hỏi các quốc gia, dân tộc cần phải đoàn kết, thống nhất hành động, phấn đấu vì một thế giới hòa bình, hợp tác và phát triển. Dù nước lớn hay nước nhỏ đều phải là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng thế giới, tôn trọng chủ quyền của nhau, trên cơ sở hiện thực lịch sử và luật pháp quốc tế.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam 73 năm qua, kể từ khi Chủ tịch Hồ Chí Minh công bố bản *Tuyên ngôn Độc lập*, tư tưởng của Hồ Chí Minh về quyền con người và quyền dân tộc vẫn luôn là nền tảng lý luận, tinh thần dẫn đường cho cách mạng Việt Nam giành được những thắng lợi to lớn, vững bước đi lên theo con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lựa chọn. Thấm nhuần sâu sắc tư tưởng về quyền con người và quyền dân tộc trong *Tuyên ngôn Độc lập* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ Hiến pháp đầu tiên năm 1946 cho đến Hiến pháp năm 2013, quyền con người và quyền dân tộc luôn được đề cao và ngày một hoàn thiện hơn để sao cho con người được hưởng trọn vẹn nhất những giá trị đáng có, phù hợp với xu thế thời đại và thực tiễn cuộc sống. Vì lẽ đó, suốt 73 năm qua, từ bản *Tuyên ngôn Độc lập* Đảng ta vẫn luôn nêu cao ngọn cờ dân chủ, phát huy sức mạnh toàn dân để tạo được khối đại đoàn kết vững chắc và

Xem tiếp trang 22

## TƯ TƯỞNG VỀ QUYỀN CON NGƯỜI VÀ QUYỀN DÂN TỘC...

Tiếp theo trang 16

đã: “Thu hút, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực và sức sáng tạo của nhân dân. Chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, giải quyết tốt những vấn đề bức thiết; tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội và giảm nghèo bền vững. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc”<sup>10</sup>.

Trong lịch sử, dân tộc Việt Nam phải chống lại nhiều thế lực xâm lược hùng mạnh và tàn bạo để bảo vệ quyền độc lập thiêng liêng. Hơn ai hết, người Việt Nam hiểu rõ giá trị của hòa bình, độc lập, tự do. Những luận điệu lợi dụng chiêu bài dân chủ, nhân quyền để chống phá cách mạng nước ta, vu cáo Việt Nam vi phạm dân chủ, nhân quyền của các thế lực thù địch trong thời gian qua thực chất là chúng đang tìm mọi cách để xâm phạm đến quyền tự quyết của dân tộc ta, vi phạm chủ quyền quốc gia một cách trắng trợn. Dưới ánh sáng *Tuyên ngôn Độc lập* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta khẳng định rằng, việc bảo vệ và thực hiện quyền con người không thể tách rời việc bảo vệ độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia. Nước Việt Nam là của người Việt Nam. Mọi vấn đề thuộc chủ quyền quốc gia Việt Nam phải do người Việt Nam tự giải quyết. Trong những năm qua, chúng ta đã kiên định thực hiện đường lối đối

ngoại độc lập, tự chủ, là bạn, là đối tác tin cậy và có trách nhiệm đối với cộng đồng quốc tế, chung sống hòa bình, hữu nghị với tất cả các dân tộc trên thế giới trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng cùng có lợi. Thời gian tới, để đảm bảo quyền con người, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, chúng ta cần phải tiếp tục nắm vững và vận dụng sáng tạo tư tưởng về quyền con người và quyền dân tộc, đặc biệt là cách tiếp cận, nhận thức và giải quyết đúng đắn mối quan hệ biện chứng giữa quyền con người và quyền dân tộc trong *Tuyên ngôn Độc lập* của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t. 7, Nxb CTQG - Sự Thật, H, 2011, tr. 25.
- 2, 3, 4. *Sdd*, t. 4, tr. 1.
5. *Sdd*, tr. 3.
- 6, 7. *Sdd*, t. 4, tr. 3.
8. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Sự Thật, H, 1976.
9. Vũ Thị Kim Yến - Nguyễn Văn Dương: *Hồ Chí Minh viết Tuyên ngôn Độc lập*, Nxb VHNT, H, 2000, tr. 8.
10. Ban Tuyên giáo Trung ương: *Tài liệu nghiên cứu các văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, Nxb CTQG, H, 2016, tr. 152.